

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/5/2024	●	
Tuần 6/5-10/5/2024	●	
Tháng 05/2024	●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng gần 5 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,221.03 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Du lịch và giải trí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản; các ngành còn lại tăng nhẹ dưới 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Cây nến doji hôm nay cho thấy sự cân bằng giữa lực mua và bán ở ngưỡng kháng cự 1,220. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 03/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+4.67** điểm, đóng cửa tại **1221.03** điểm. HNX-Index **+0.73** điểm, đóng cửa tại **228.22** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+1.19)**, **VCB (+0.82)**, **HVN (+0.69)**, **MSN (+0.64)**, **HDB (+0.59)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.57)**, **FPT (-0.43)**, **LPB (-0.18)**, **NVL (-0.16)**, **VIB (-0.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,122** tỷ đồng, tăng **20.86%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,983 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.42 điểm. Thị trường có **223** mã tăng, 80 mã tham chiếu, **200** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **553.84** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (545.48 tỷ)**, **PDR (84.36 tỷ)**, **VRE (59.68 tỷ)**, **VCB (51.89 tỷ)**, **MSN (48.50 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **29.22** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.57%**. Các mã diễn biến tích cực: **NLG (+3.95%)**, **TCB (+2.88%)**, **MSN (+2.65%)**.
- BSC50 **+0.26%**. Các mã diễn biến tích cực: **PTB (+6.66%)**, **BMP (+4.13%)**, **HDB (+3.38%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.57%	0.26%	0.38%	0.67%
1 tuần	1.04%	0.79%	0.56%	0.54%
1 tháng	4.02%	4.02%	2.95%	3.89%
3 tháng	-0.28%	-5.44%	-1.98%	-1.54%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,221.03	228.22	89.78
% 1D	0.38%	0.32%	0.09%
GTGD (tỷ VND)	15,122	1,113	592
%1D	20.86%	14.26%	7.92%
GDNN (tỷ VND)	553.84	29.22	-54.72

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	545.48	FUESSVFL	-126.98
PDR	84.36	VHM	-57.11
VRE	59.68	STB	-27.34
VCB	51.89	GVR	-24.53
MSN	48.50	HDB	-23.56

Thị trường thế giới

	%D	%W
SPX	0.91%	-0.13%
FTSE100	0.40%	1.99%
Eurostoxx	0.32%	12.62%
Shanghai	-0.26%	1.00%
Nikkei	-0.04%	-0.45%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

Giá dầu Brent	83.81	0.12%
Giá vàng	2,310	0.46%

Tỷ giá

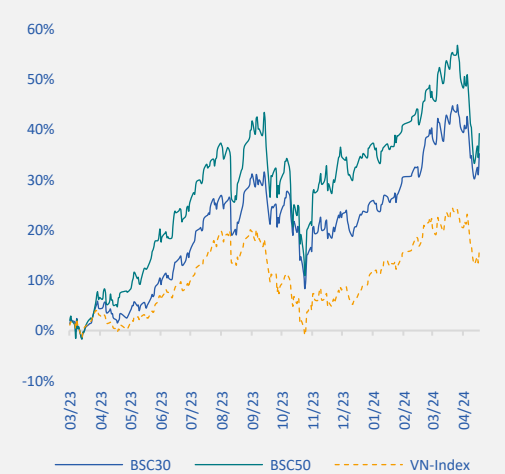
USD/VND	25,453	0.00%
EUR/VND	28,036	0.37%
JPY/VND	170	1.80%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.9%	0.00%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



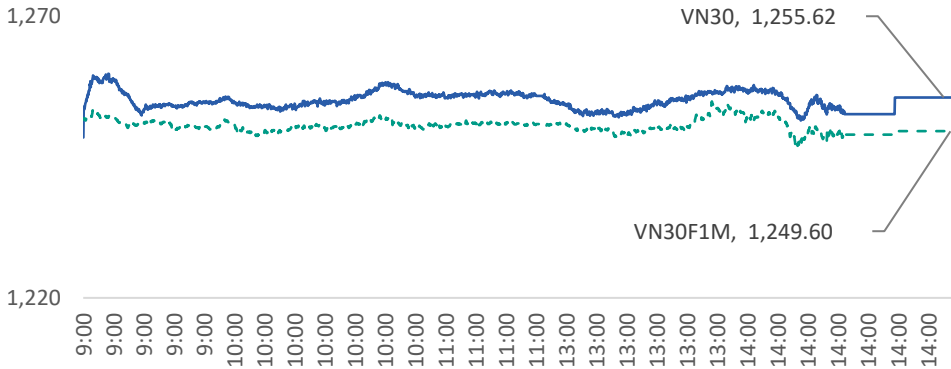
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top tăng điểm VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	48.20	2.88%	3.00
HDB	24.45	3.38%	1.70
ACB	27.50	1.85%	1.68
MSN	69.80	2.65%	1.25
HPG	28.65	1.06%	0.91

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1254.6	0.65%	111	3.74%	9/19/2024	139
VN30F2412	1256.7	0.56%	13	-43.48%	12/19/2024	230
VN30F2405	1249.6	0.58%	194260	-7.76%	5/16/2024	13
VN30F2406	1251.5	0.69%	797	65.35%	6/20/2024	48

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Top giảm điểm VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	125.90	-1.10%	-1.41
SHB	11.60	-0.85%	-0.27
VIB	21.20	-0.93%	-0.24
TPB	17.50	-0.85%	-0.19
STB	27.55	-0.18%	-0.09

Nhận định

- VN30 +8.41 điểm, đóng cửa tại 1255.62 điểm. Biên độ dao động 12.62 điểm. Các cổ phiếu như TCB, HDB, ACB, MSN, HPG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng trên tham chiếu sau khi giảm về vùng 1,246.58. Thanh khoản thị trường cải thiện hơn so với phiên trước đó tuy nhiên vẫn nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2307	6/26/2024	54	133,600	53.45%	62.67	50	25.0%	0.00	63.07	41.10	41.15
CSTB2316	6/26/2024	54	317,800	33.51%	36.33	90	12.5%	0.01	36.78	27.55	27.60
CMSN2311	8/5/2024	94	161,000	30.92%	88.50	360	9.1%	0.09	91.38	69.80	68.00
CVNM2315	1/6/2025	248	38,200	41.57%	87.11	1,470	3.5%	0.18	92.87	65.60	65.40
CVNM2314	10/7/2024	157	222,600	34.94%	85.15	430	2.4%	0.04	88.52	65.60	65.40
CVIC2306	6/26/2024	54	26,100	44.30%	62.22	240	0.0%	0.00	64.14	44.45	44.40
CVHM2311	8/5/2024	94	41,800	49.51%	60.50	190	0.0%	0.01	61.45	41.10	41.15
CSTB2318	5/17/2024	14	225,500	16.59%	32.00	30	0.0%	0.01	32.12	27.55	27.60
CVRE2318	7/5/2024	63	500	35.21%	31.00	160	0.0%	0.01	31.64	23.40	22.75
CPOW2306	6/26/2024	54	214,800	47.39%	16.00	70	0.0%	0.00	16.14	10.95	11.10
CVPB2317	7/5/2024	63	56,200	26.81%	22.88	120	0.0%	0.02	23.33	18.40	18.30
CPOW2309	5/17/2024	14	101,200	32.60%	14.50	10	0.0%	0.00	14.52	10.95	11.10
CNVL2305	6/26/2024	54	1,500	38.62%	17.00	810	-3.6%	0.04	20.24	14.60	14.95
CVHM2317	10/7/2024	157	787,900	33.98%	52.35	340	-5.6%	0.09	55.07	41.10	41.15
CVNM2306	6/26/2024	54	18,500	13.07%	71.71	260	-7.1%	0.07	74.17	65.60	65.40
CVNM2310	8/9/2024	98	55,500	23.09%	78.40	240	-7.7%	0.04	80.75	65.60	65.40
CVHM2316	7/5/2024	63	100,100	26.80%	51.23	110	-8.3%	0.02	52.11	41.10	41.15
CVHM2302	5/24/2024	21	300,500	22.34%	50.00	70	-12.5%	0.00	50.28	41.10	41.15
CVIC2312	7/5/2024	63	162,300	20.91%	52.35	140	-12.5%	0.03	53.75	44.45	44.40
CVRE2308	6/26/2024	54	6,700	38.60%	31.33	220	-26.7%	0.01	32.43	23.40	22.75

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 03/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2401 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 54.55%. CMWG2305 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.19%.
- CVHM2307, CVHM2311, CVRE2320, CPOW2306, và CVIC2306 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CTCB2302, CFPT2310, CTCB2312, và CMWG2305 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	46.85	2.88%	1.19	14.68
VCB	91.90	0.65%	0.82	1.54
HVN	17.30	6.94%	0.69	7.62
MSN	68.00	2.65%	0.64	7.79
HDB	23.65	3.38%	0.59	11.64

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCS	62.60	3.67%	1.50	0.12
CEO	17.90	1.68%	0.62	5.66
NET	90.00	6.67%	0.56	0.01
HHC	75.40	9.15%	0.49	0.00
SEB	45.50	6.59%	0.40	0.00

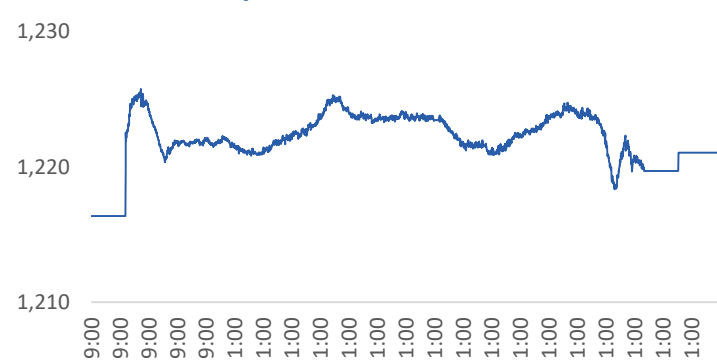
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	17.30	6.94%	0.69	7.62
DXV	6.80	6.91%	0.00	0.26
HU1	5.50	6.91%	0.00	0.00
PTC	5.40	6.85%	0.00	0.41
VFG	64.00	6.72%	0.05	0.35

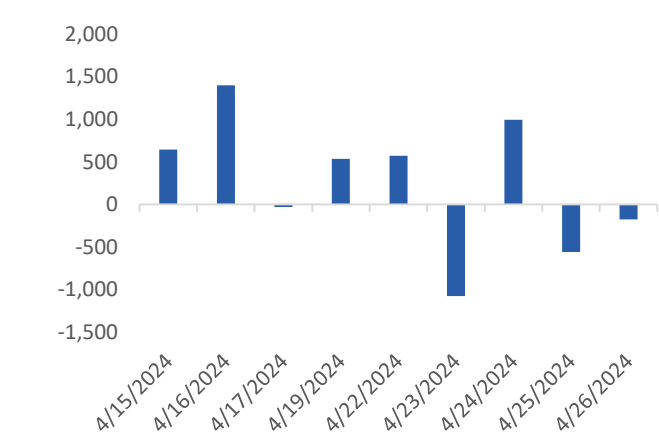
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BSC	12.00	10.00%	0.02	0.00
KSQ	3.00	10.00%	0.04	0.77
GKM	30.00	9.67%	0.39	3.78
HMR	16.90	9.47%	0.04	0.06
AAV	5.30	9.43%	0.15	3.39

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	30.00	-2.00%	-0.57	4.00
FPT	127.30	-1.10%	-0.43	4.67
LPB	20.50	-1.46%	-0.18	40.43
NVL	14.95	-2.34%	-0.16	20.84
VIB	21.40	-0.93%	-0.12	5.63

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	49.40	-1.21%	-0.54	0.00
PTI	33.80	-3.85%	-0.39	0.01
BAB	12.20	-0.82%	-0.35	0.00
PRE	19.00	-2.63%	-0.20	0.00
MBS	26.80	-0.37%	-0.17	2.72

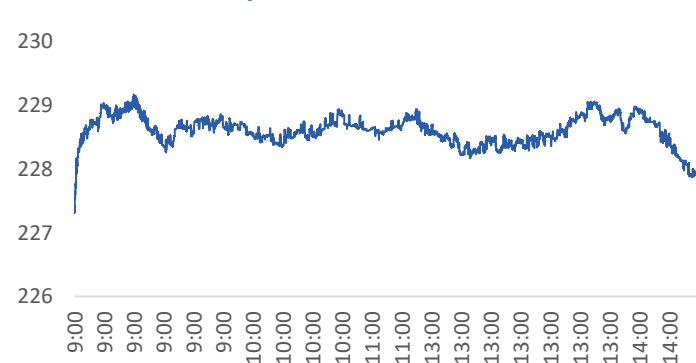
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GTA	11.70	-6.84%	0.00	0.01
PMG	7.93	-6.81%	-0.01	0.00
TDM	50.00	-6.50%	-0.08	0.02
FUEIP100	7.64	-5.89%	0.00	0.00
TCR	3.80	-5.26%	0.00	0.00

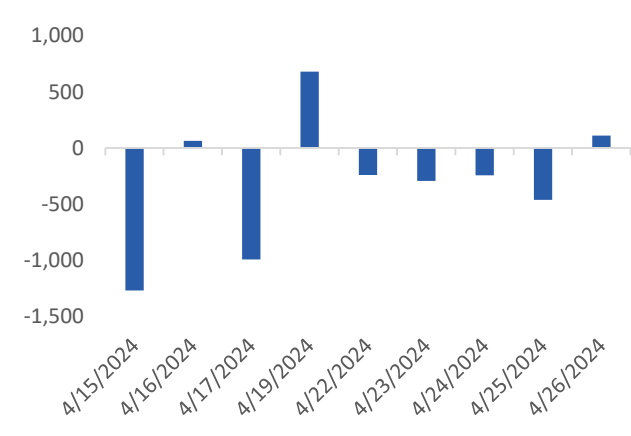
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L62	2.00	-10.00%	-0.01	0.04
KKC	6.50	-9.23%	-0.01	0.00
CET	7.70	-9.09%	-0.02	0.01
L43	2.20	-9.09%	0.00	0.00
VE3	9.90	-9.09%	0.00	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	92.5	0.70%	0.6	20,410	5.4	5,910	15.7	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.2	0.00%	1.1	11,072	1.4	3,772	13.0	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	0.50%	1.0	5,763	7.7	1,397	13.2	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	48.2	2.90%	1.1	6,703	26.0	5,600	8.6	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.4	0.00%	1.0	4,676	10.5	3,818	5.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	27.6	-0.20%	1.0	2,050	9.6	4,094	6.7	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	32.4	0.20%	1.2	6,869	7.9	3,706	8.7	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	27.5	1.90%	0.8	4,217	9.5	4,072	6.8	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.6	-0.10%	1.3	2,064	12.5	1,529	22.7	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	59.2	5.30%	1.2	771	4.0	4,223	14.0	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	28.6	1.10%	1.2	6,577	18.9	1,601	17.9	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	20.0	1.00%	1.6	486	5.3	1,321	15.1	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	41.1	-0.10%	1.1	7,065	7.1	7,664	5.4	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	35.9	2.60%	1.3	1,133	5.2	726	49.5	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	40.8	3.90%	1.4	620	7.9	1,257	32.5	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	119.0	-1.00%	1.5	1,784	10.5	7,845	15.2	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	32.0	-0.20%	1.3	669	2.5	2,313	13.8	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	74.2	0.40%	0.6	6,728	1.5	5,053	14.7	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	39.4	-0.80%	0.9	744	9.5	2,148	18.3	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	29.8	0.80%	1.2	654	4.4	1,052	28.3	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.0	-1.40%	0.7	1,012	2.1	443	24.7	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	74.6	-1.70%	1.2	661	2.2	4,914	15.2	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	85.5	1.50%	0.9	1,048	13.7	7,357	11.6	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	65.6	0.30%	0.6	5,413	5.1	4,408	14.9	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	69.8	2.60%	1.3	4,148	19.4	215	324.1	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	55.7	0.20%	1.5	3,215	65.1	115	485.8	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.5	0.40%	0.9	1,275	9.0	5,860	16.5	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	59.0	-0.50%	1.9	389	3.3	2,121	27.8	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	125.9	-1.10%	0.9	6,312	15.9	5,335	23.6	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	130.0	2.00%	1.2	587	3.8	4,510	28.8	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.4	3.40%	0.9	2,811	11.0	3,458	7.1	1.6	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.2	-0.90%	1.2	2,123	4.7	3,315	6.4	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.5	-0.80%	1.3	1,521	5.4	2,050	8.5	1.1	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	13.6	-0.40%	1.2	1,070	2.4	2,310	5.9	0.8	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.6	-0.80%	1.1	1,210	1.7	1,244	14.2	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	26.4	0.40%	1.6	735	4.0	1,175	22.5	2.2	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	46.7	0.80%	1.7	807	7.9	1,409	33.1	2.5	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.3	0.00%	1.6	976	5.1	2,057	9.9	1.4	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	49.2	0.00%	1.1	11,072	1.4	3,772	13.0	2.4	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	18.2	-0.50%	1.8	584	9.3	1,076	16.9	1.4	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.5	-0.90%	1.5	86	0.8	546	21.0	0.9	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.0	0.60%	1.5	599	1.4	53	321.5	1.3	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	66.0	-0.80%	1.2	260	1.6	1,894	34.8	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.8	-0.80%	1.5	208	2.0	782	16.4	0.6	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.7	-1.00%	1.5	-	0.1	365	26.6	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	26.8	0.00%	1.9	646	13.1	195	137.9	2.1	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	18.2	0.60%	1.3	370	4.1	293	62.1	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.5	1.70%	1.6	894	5.9	2,646	11.2	1.1	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	51.4	-1.00%	1.4	910	1.0	2,746	18.7	2.4	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	40.9	-0.20%	1.2	291	2.1	1,514	27.0	2.5	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	83.4	0.00%	1.3	599	0.4	5,098	16.4	3.8	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	57.8	-0.30%	1.1	309	0.9	3,448	16.8	2.0	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	29.4	-2.00%	1.6	4,643	4.6	656	44.8	2.1	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	22.8	0.40%	1.7	237	5.3	446	51.1	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	116.0	4.10%	0.9	375	2.2	12,717	9.1	3.5	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	13.6	-1.10%	1.5	202	1.1	1,477	9.2	0.9	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	16.4	0.00%	1.9	467	5.2	239	68.7	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	23.4	2.90%	1.2	2,099	12.0	1,940	12.1	1.4	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	27.0	2.70%	1.9	786	12.9	964	27.9	2.1	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	58.3	0.70%	1.6	102	1.5	4,370	13.3	1.7	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.0	0.10%	1.0	121	0.3	3,843	9.9	1.7	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	36.0	0.60%	0.9	1,806	0.7	2,230	16.1	1.6	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	28.0	-0.40%	1.5	89	0.2	1,261	22.2	1.7	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	18.2	0.60%	1.1	-	3.0	2,790	6.5	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	30.2	0.50%	0.7	142	0.9	2,286	13.2	1.9	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	26.2	0.00%	1.3	322	1.7	450	58.3	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	26.6	-1.30%	1.3	322	0.8	2,327	11.5	1.2	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	20.6	-1.40%	1.9	694	7.3	625	33.1	0.8	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	16.0	-1.80%	0.6	-	0.4	1,549	10.3	1.3	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	65.9	2.60%	0.9	1,063	9.5	4,706	14.0	1.3	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	29.2	-0.20%	1.3	153	1.0	(252)	-115.4	1.4	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	68.9	6.70%	0.8	182	3.9	3,851	17.9	1.7	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	25.4	-0.80%	0.8	357	2.1	3,005	8.5	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	20.0	-0.70%	1.4	211	1.4	927	21.6	0.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	40.1	-1.10%	1.4	167	2.1	3,648	11.0	1.3	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	78.8	2.30%	1.3	379	7.6	3,119	25.3	6.1	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	27.9	-1.60%	1.7	267	7.3	103	270.0	1.4	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	164.0	0.00%	0.8	882	6.3	(2,548)	-64.4	10.9	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	47.0	0.90%	0.7	-	1.1	6,737	7.0	1.9	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	32.4	-0.60%	1.2	500	1.3	1,327	24.4	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	20.2	0.50%	1.1	90	0.6	1,917	10.5	1.2	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639